

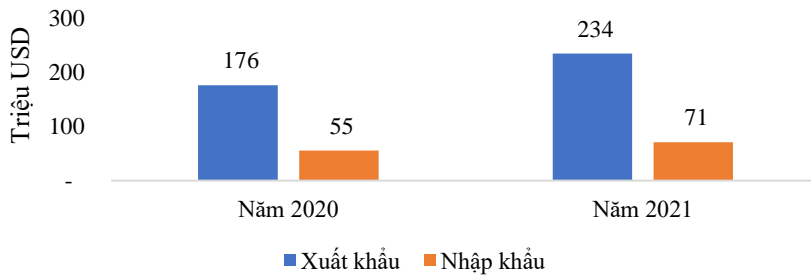
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HÀN QUỐC



### TÌNH HÌNH CHUNG

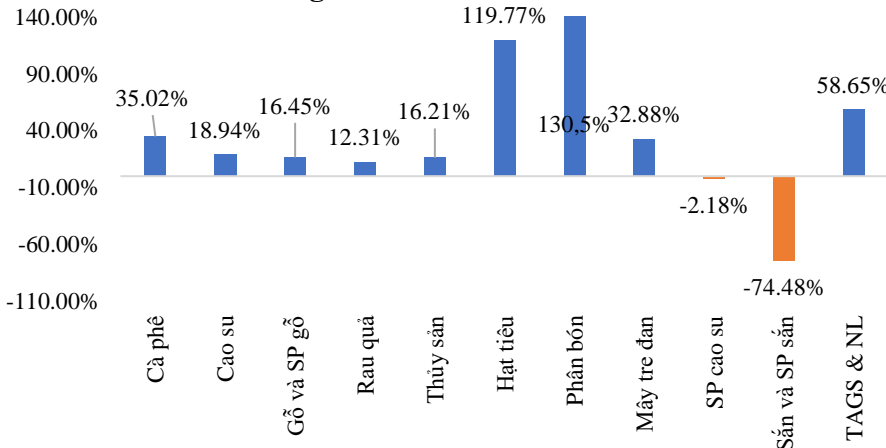
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc  
T11-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu  
NLTS Việt Nam –  
Hàn Quốc  
T11-2021/2020**

- Xuất khẩu ▲ 33,27 %
- Nhập khẩu ▲ 27,81 %

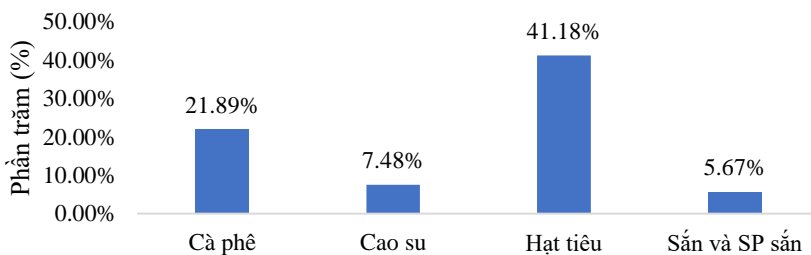
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt  
Nam sang Hàn Quốc T11-2021/2020**



**So sánh T11-2021/2020**

- Cà phê ▲ 35,02%
- Cao su ▲ 18,94%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 16,45%
- Hàng rau quả ▲ 12,31%
- Hàng thủy sản ▲ 16,21%
- Hạt tiêu ▲ 119,77%
- Phân bón ▲ 130,5%
- Máy tre đan ▲ 32,88%
- SP từ cao su ▼ 2,18%
- Sản và SP sản ▼ 74,48%
- TAGS & NL ▲ 58,65%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân T11-  
2021/2020**



**So sánh giá xuất khẩu BQ  
T11-2021/2020**

- Cà phê ▲ 21,89%
- Cao su ▲ 7,48%
- Hạt tiêu ▲ 41,18%
- Sản và SP sản ▲ 5,67%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

IMF dự báo, nền kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 4,3% trong năm 2021 và 3,3% năm 2022. Cụ thể, GDP danh nghĩa của Hàn Quốc ước tính đạt 1.820 tỷ USD trong năm 2021 và 1.910 tỷ USD trong năm 2022. Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 4% trong năm nay và 3% trong năm tới. Động lực chính thúc đẩy kinh tế Hàn Quốc phục hồi tăng trưởng nhanh là xuất khẩu chip bán dẫn và ô tô tăng mạnh.

Đảng Dân chủ cầm quyền ở Hàn Quốc ngày 28/12 cho biết chính phủ sẽ mua 200.000 tấn gạo sản xuất trong nước trong năm nay, để giúp bình ổn giá của loại ngũ cốc quan trọng này. Chính phủ sẽ thông báo kế hoạch chi tiết về việc mua 200.000 tấn gạo vào tháng 1/2022 sau khi thảo luận với các bên liên quan. Động thái trên diễn ra sau khi sản lượng gạo năm nay tăng 10,7% so với năm trước, đạt 3,88 triệu tấn. Như vậy, sản lượng gạo đã vượt nhu cầu dự kiến 3,61 triệu tấn và dẫn đến việc dư thừa 270.000 tấn gạo.

Hàn Quốc dự kiến sẽ có nhu cầu rất lớn đối với viên nén cà phê trong những năm tới. Điều này là do xu hướng tiêu thụ cà phê tại nhà ngày càng tăng và cà phê đang thịnh hành đối với người tiêu dùng thế hệ Z. Trong tương lai, thị trường viên nang cà phê tại Hàn Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR là 12,5% trong giai đoạn 2021-2026.

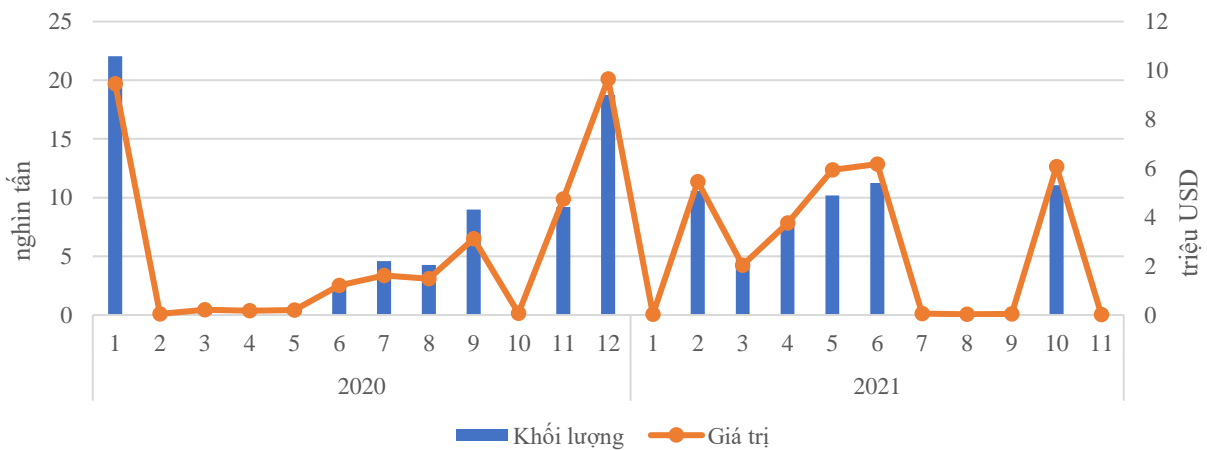
Tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu 234,2 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 34,4%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 33,4%, rau quả chiếm 4,9%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, sản phẩm cao su, sắn và sản phẩm sắn là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu được 44 tấn gạo, trị giá 23,3 nghìn USD sang Hàn Quốc, giảm 99,6% về khối lượng và 99,6% về giá trị so với tháng trước; và giảm 99,5% về khối lượng và 99,5% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2021 đạt 55,7 nghìn tấn gạo, trị giá 29,6 triệu USD, tăng 5,2% về khối lượng và 32,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

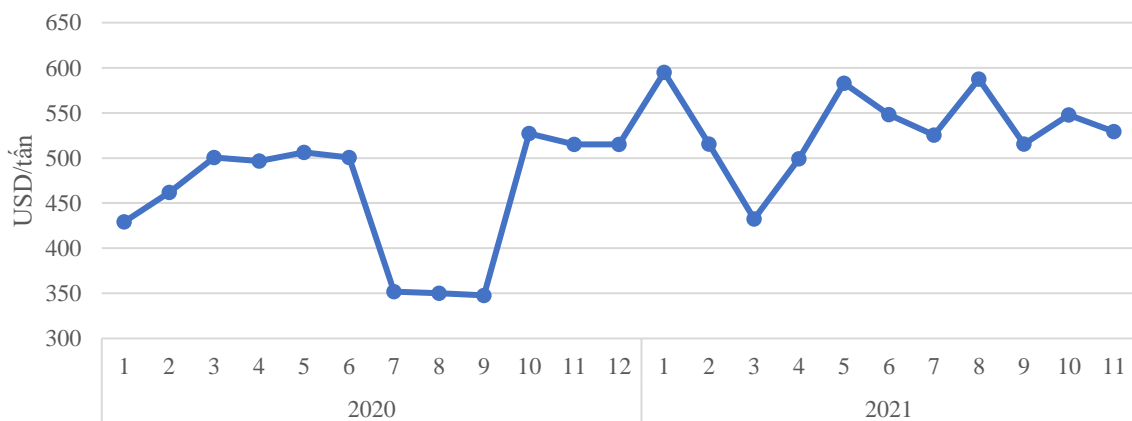
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021 đạt 529,3 USD/tấn, giảm 3,4% so với tháng trước, và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc**

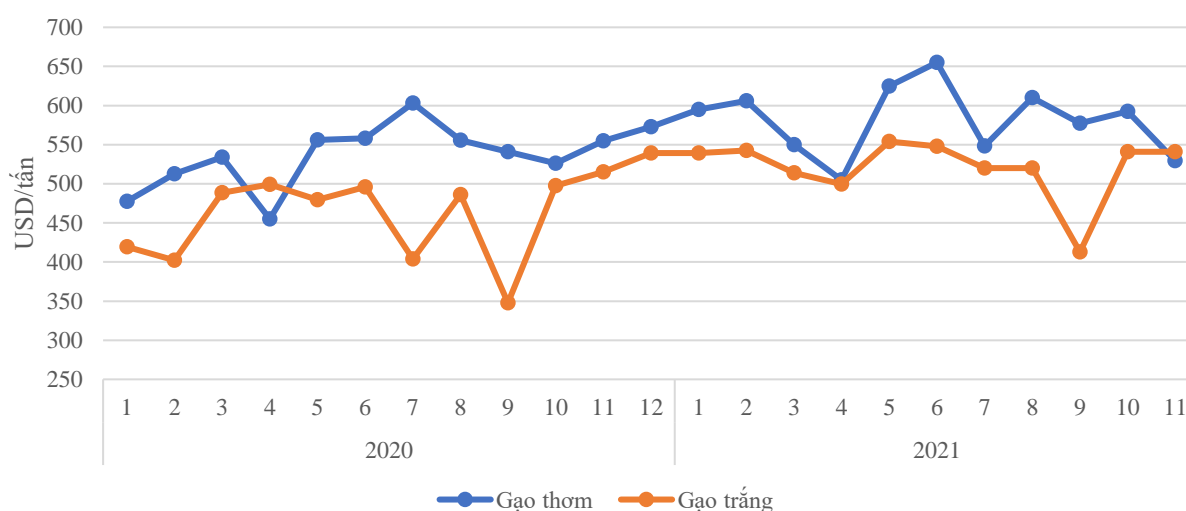


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 11/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 100% về khối lượng và giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 529,5 USD/tấn, giảm 10,7% so với tháng trước và 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Do không xuất khẩu gạo trắng trong tháng 11/2021, nên giá gạo trắng sẽ được coi tương đương như tháng 10/2021 là 541,0 USD/tấn, và được biểu diễn như trên hình sau.

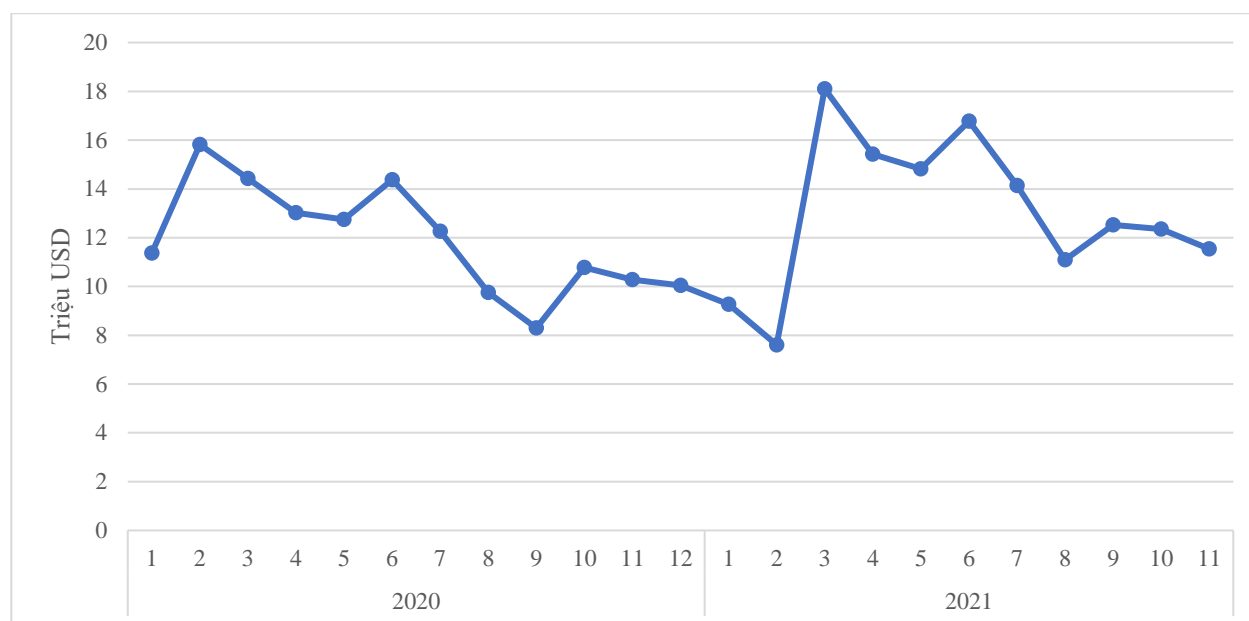
**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. RAU QUẢ

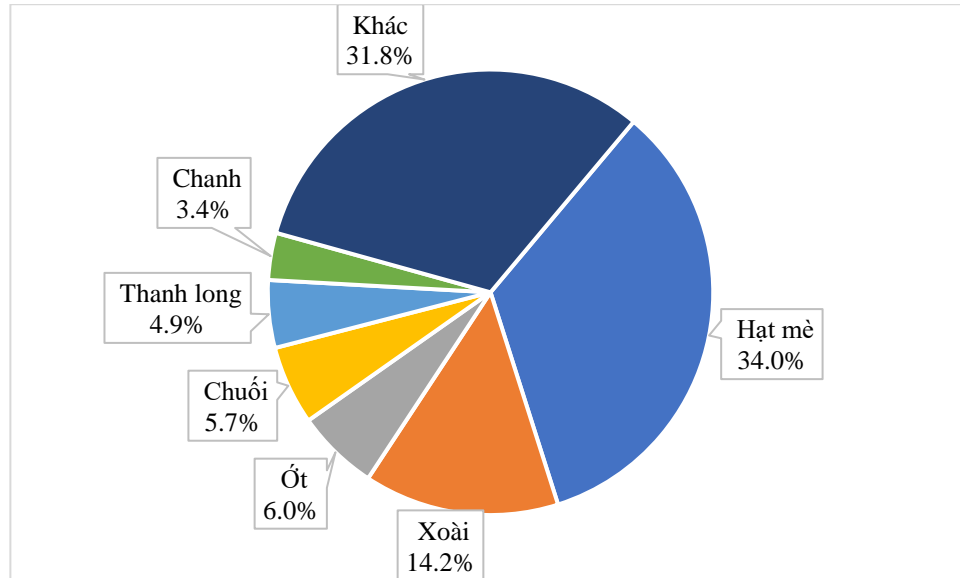
Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 11 năm 2021 đạt 11,5 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 6,6% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 143,6 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 4,7 triệu USD (chiếm 40,6% thị phần, tăng 50,0% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,9 triệu USD (chiếm 59,4% thị phần), giảm 4,2%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,3 triệu USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước; (ii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 621,4 nghìn USD (tăng 101,4%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 562,9 nghìn USD (giảm 46,4%); v.v.

Trong tháng 11 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,9 triệu USD (chiếm 34,0% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2020; xoài đạt 1,6 triệu USD (chiếm 14,2%), tăng 91,3%; ớt đạt 689,4 nghìn USD (chiếm 6,0%), tăng 42,5%; chuối đạt 662,1 nghìn USD (chiếm 5,7%), tăng 29,1%; thanh long đạt 566,2 nghìn USD (chiếm 4,9%), tăng 54,7%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 11 năm 2021 đạt 5,8 triệu USD, chiếm 3,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 39,3 triệu USD, chiếm 2,9% thị phần, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 11/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là nho đạt 1,5 triệu USD (chiếm 26,5%), tăng 66,6% so với cùng kỳ năm 2020; rong biển đạt 1,4 triệu USD (chiếm 23,7%), tăng 28,8%; lê đạt 1,2 triệu USD (chiếm 20,7%), tăng 10,3%; v.v.

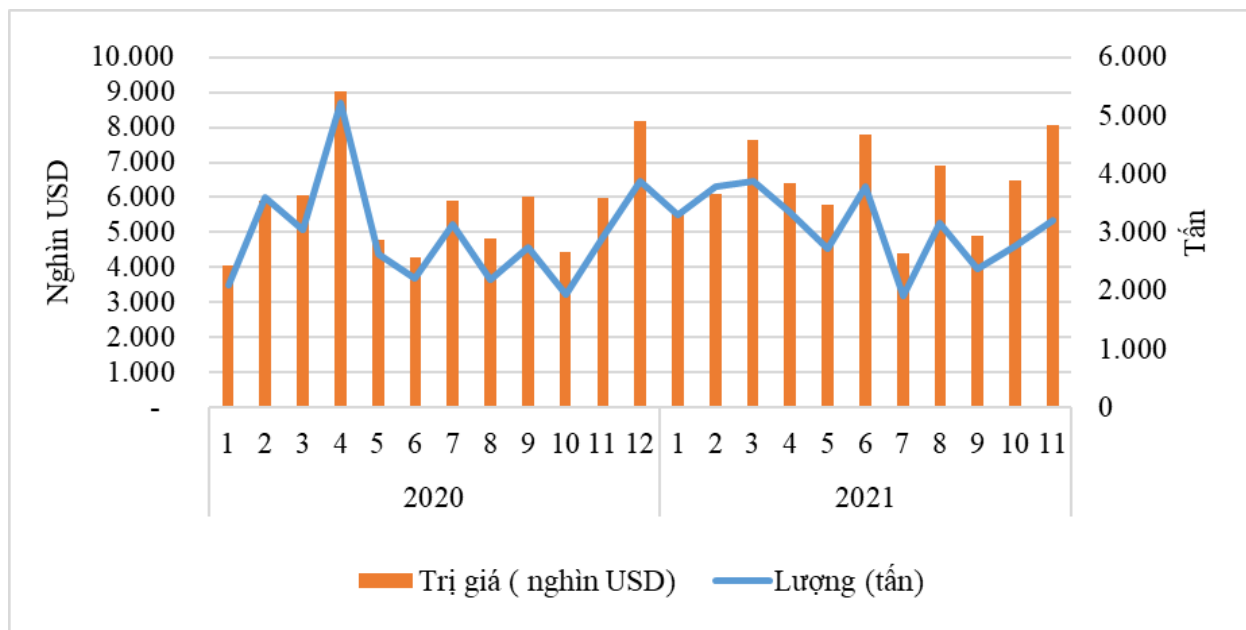
### 3. CÀ PHÊ

Starbucks Hàn Quốc, thuộc sở hữu 67,5% của E-Mart Inc. thuộc Tập đoàn Shinsegae, dự báo sẽ đạt doanh thu 2,3 nghìn tỷ won trong năm nay. Trong chín tháng đầu tiên đến tháng 9, doanh thu đã đạt 1,7 nghìn tỷ won, gần bằng doanh thu cả năm 2020, doanh thu mỗi quý đạt khoảng 500-600 triệu USD.

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 11/2021 đạt 3.209 tấn, trị giá 8,06 triệu USD, tăng 16,06% về lượng và tăng 24,08% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 11/2020, xuất khẩu cà phê tăng 10,77% về lượng và tăng 35,02% về giá trị.

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021 đạt 34,23 nghìn tấn, trị giá 69,99 triệu USD, giảm 7,42% về lượng và giảm 12,42% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

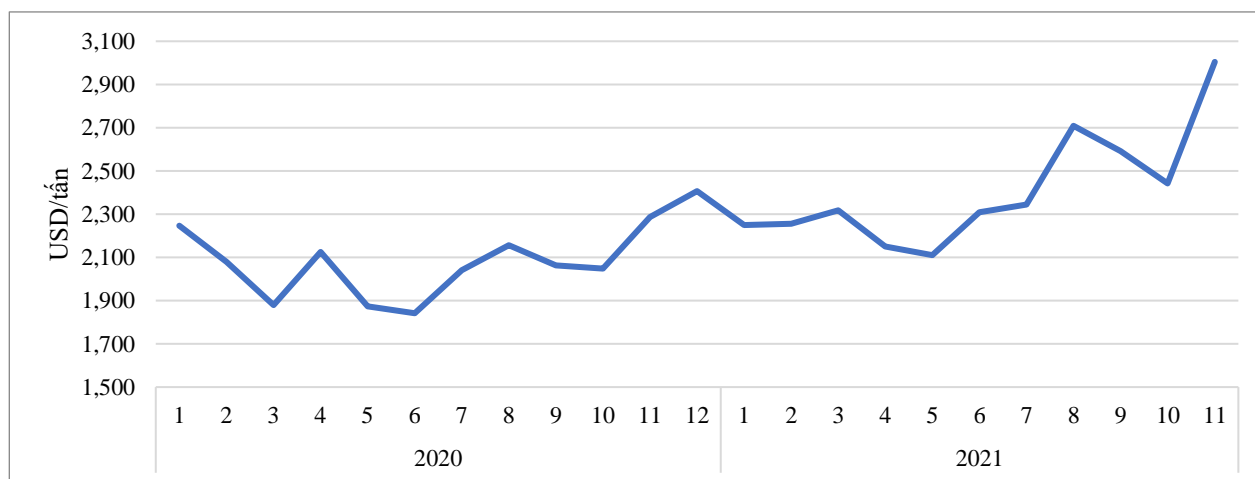
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.150 USD/tấn, giảm 3,4% so với tháng trước và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc**



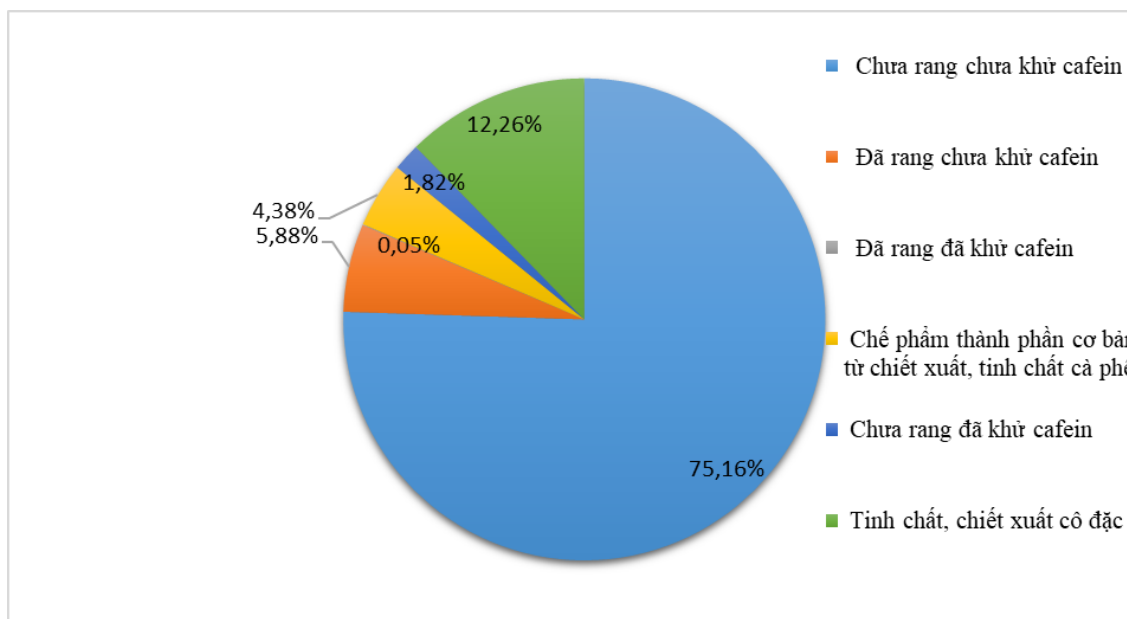
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 11/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 83,36%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 16,64%, tỷ trọng cà phê chế biến giảm 6,37% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 11/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 75,16%, tăng 50,24% so cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 988

nghìn USD, chiếm 12,26%, giảm 12,66% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 474 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 5,88%, giảm 11,48% so với cùng kỳ.

**Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc**



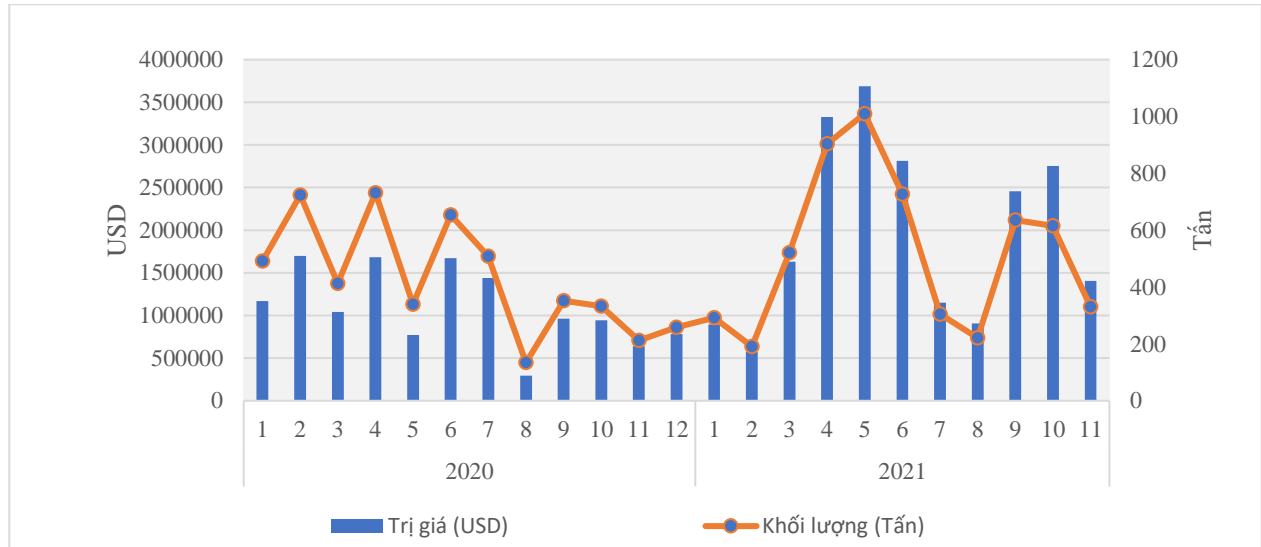
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11/2021 đã sụt giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam chỉ xuất khẩu được 330 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,4 triệu USD, giảm 46,34% về khối lượng và 48,99% về giá trị so với tháng 10/2021 và tăng 55,66% về khối lượng và 119,77% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



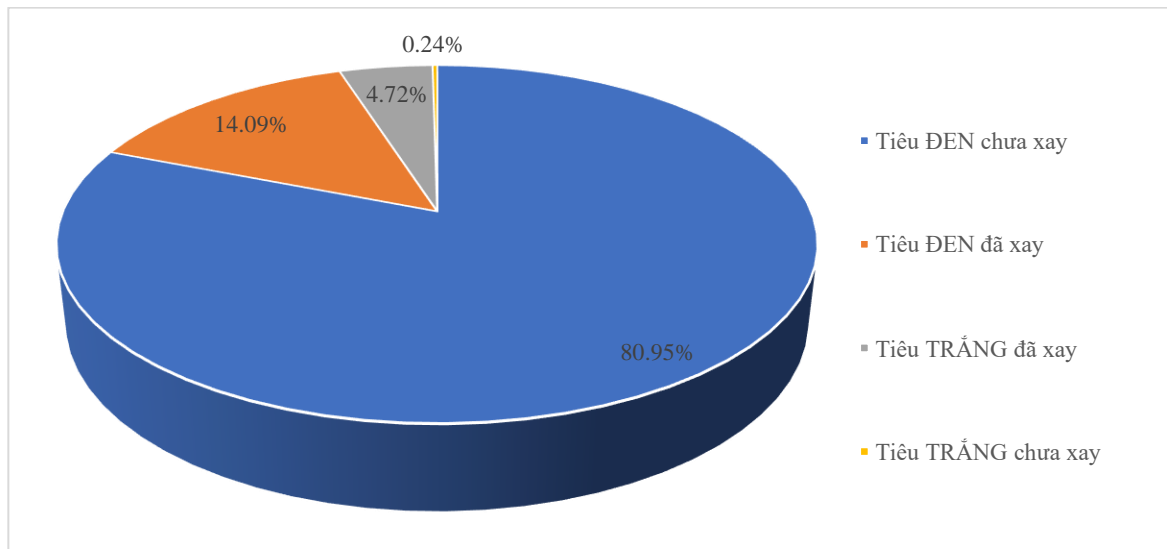
**Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Trong tháng 11/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 80,95% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 6,29% so với tháng trước nhưng tăng 35,01% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 14,09%, tăng 6,88% so với tháng trước nhưng giảm 0,76% so với cùng kỳ năm 2020.

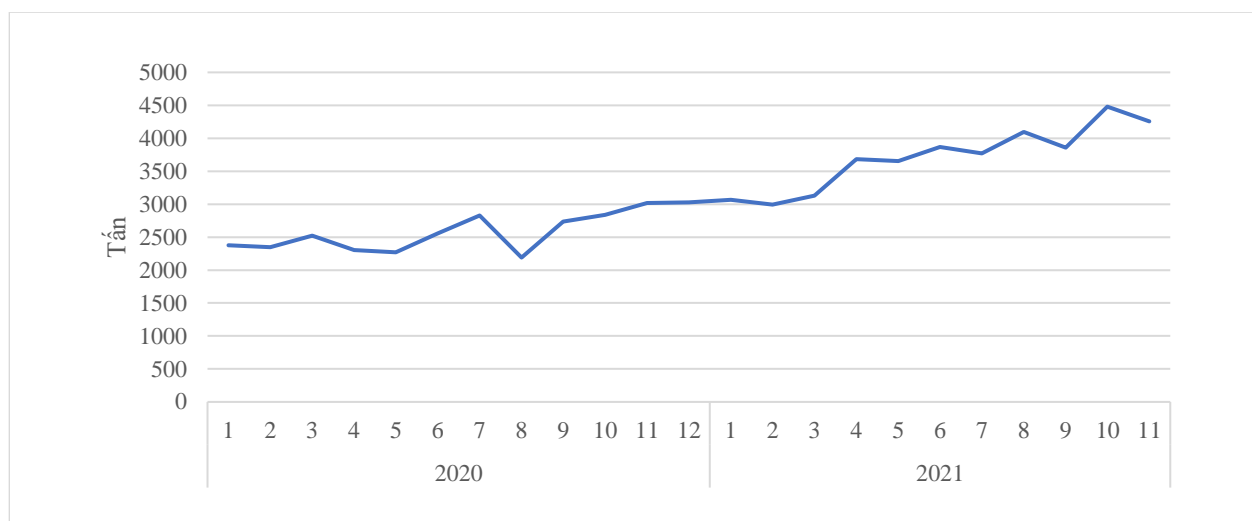
**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 11/2021 đã tăng trở lại, đạt mức 4.258 USD/tấn, giảm 4,9% so với tháng trước nhưng tăng 41,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)**

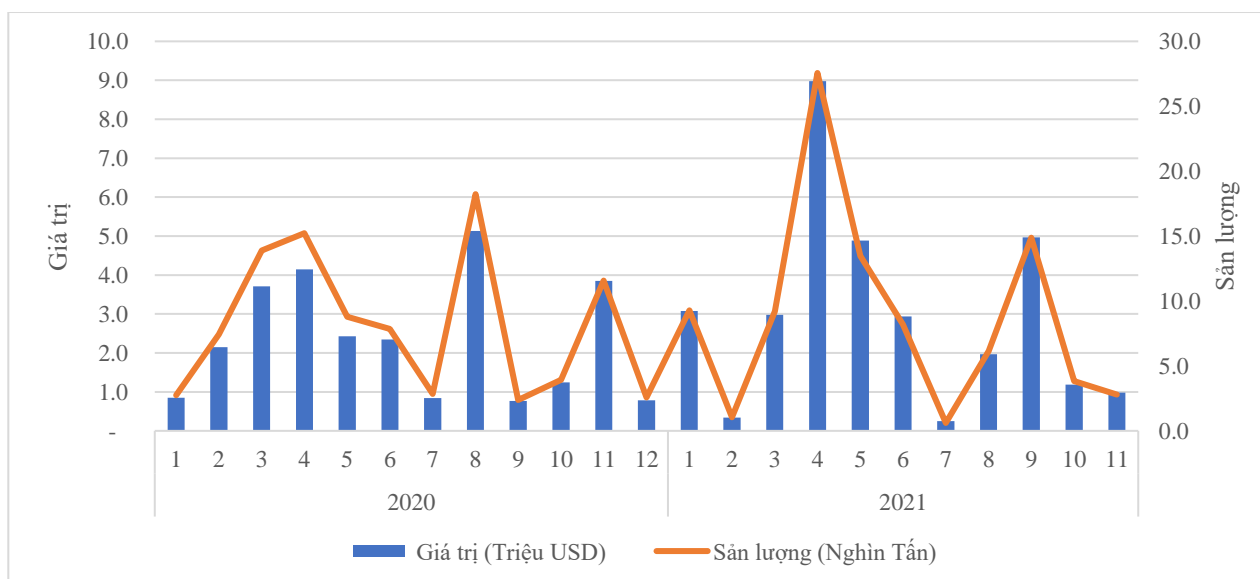


Nguồn: Tổng cục hải quan

## 5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu được 2.796 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá gần 01 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 26,9% về khối lượng và giảm 17,2% về giá trị so với tháng 10/2021; giảm 75,9% về khối lượng và giảm 74,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021 đạt 94,5 nghìn tấn, trị giá 31,5 triệu USD, giảm 0,8% về khối lượng và tăng 15,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

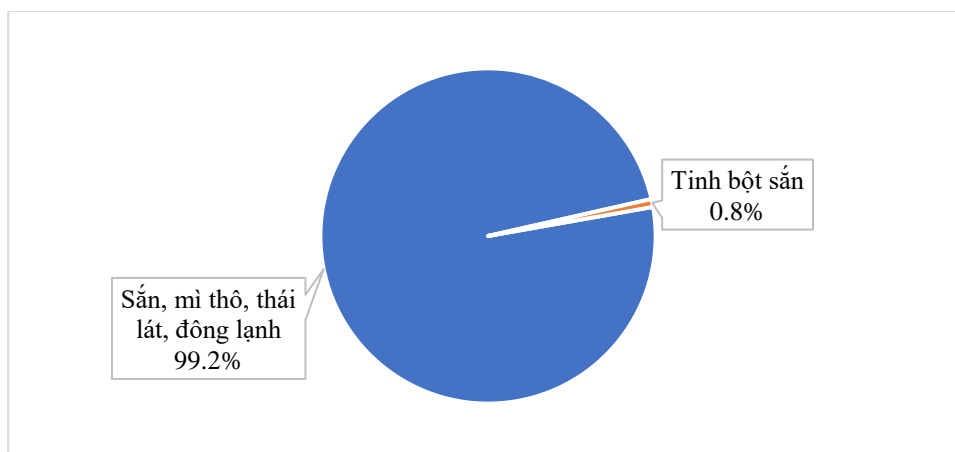
**Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 1,0% về khối lượng và 0,8% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 11 năm 2021. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 975,5 nghìn USD (chiếm 99,2% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), giảm 74,6% so với cùng kỳ năm 2020; tinh bột sắn đạt 7,5 nghìn USD (chiếm 0,8%), giảm tăng 33,7%.

**Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc**

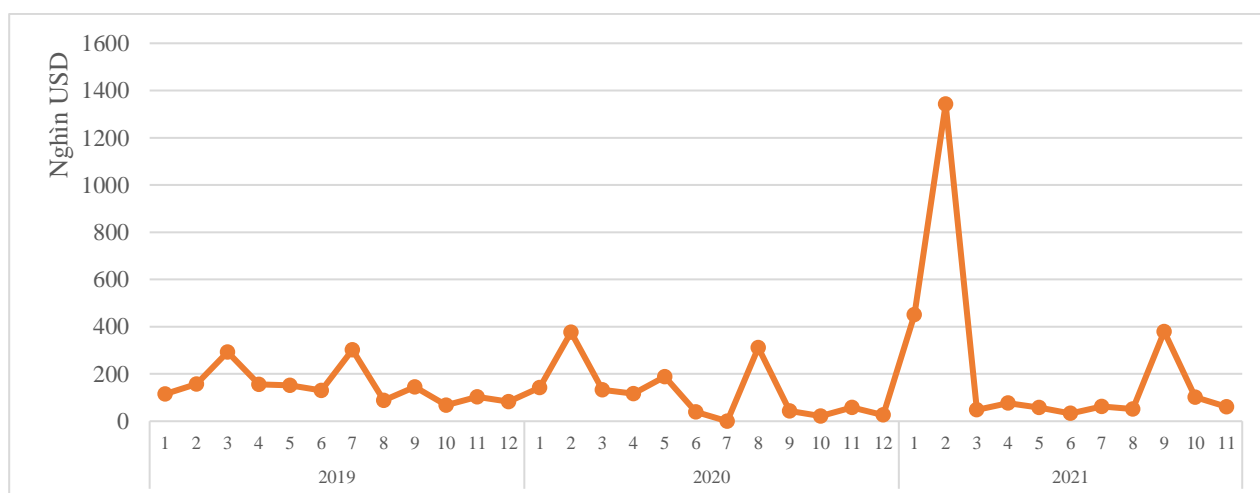


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 60,8 nghìn USD, tăng 4,4% so với tháng 11/2020 nhưng giảm 39,8% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm đạt 2,7 triệu USD, tăng 86% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm các sản phẩm từ ếch.

**Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

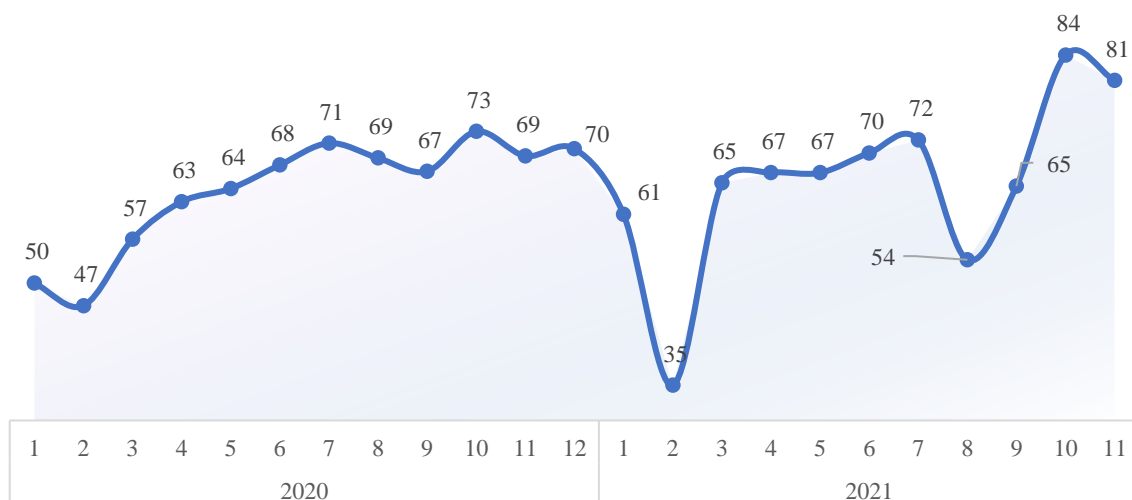
Về nhập khẩu, trong tháng 11/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 5,2 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 6,1% so với tháng trước, và tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2021 đạt 40,6 triệu USD, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2020 (48,9 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

## 7. THỦY SẢN

Giá hải sản tại Hàn Quốc đang tăng do sản lượng đánh bắt kém, ảnh hưởng đến các nhà hàng và những người yêu thích sashimi. Theo Tổng công ty Thương mại Thực phẩm & Nông sản Hàn Quốc, vào 29/12, một con mực được bán với giá trung bình 6.124 won (5,20 USD) , tăng 18,3% so với tháng trước. Lạm phát đã kéo giá hầu hết các mặt hàng thực phẩm lên cao, nhưng giá mực ống đang tăng nhanh hơn do nguồn cung khan hiếm. Sản lượng khai thác mực ở bờ biển phía đông Hàn Quốc, chiếm 70% tổng sản lượng khai thác của Hàn Quốc, rất thấp trong năm nay. Viện Hàng hải Hàn Quốc (KMI) cho biết trong tháng 11/2021, sản lượng đánh bắt mực đạt 2.193 tấn được, giảm 87% so với 15.021 tấn trong tháng 10/2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 80,6 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2020, giảm nhẹ so với tháng trước (giảm 4,5%). Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, chiếm 8,8% thị phần xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 11. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 11/2021 chiếm 42,9% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 31%.

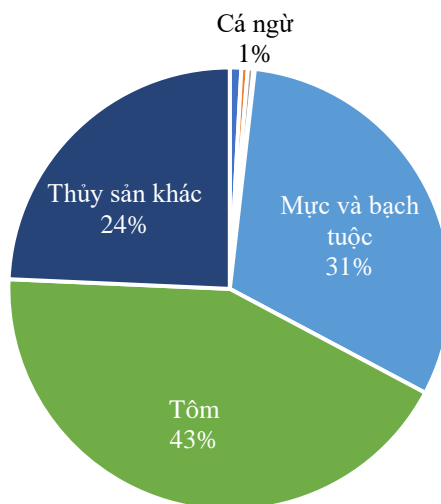
**Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Tuy nhiên, 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng tốt. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 719,9 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

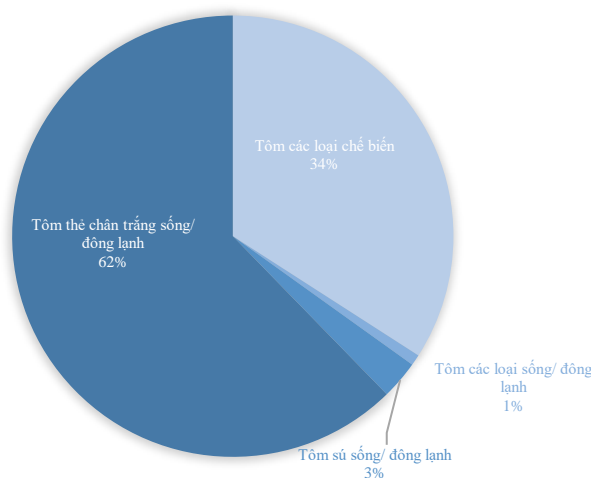
**Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 11/2021 giảm nhẹ so với tháng trước, giảm 4,4%. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 62,3%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 34,1% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**

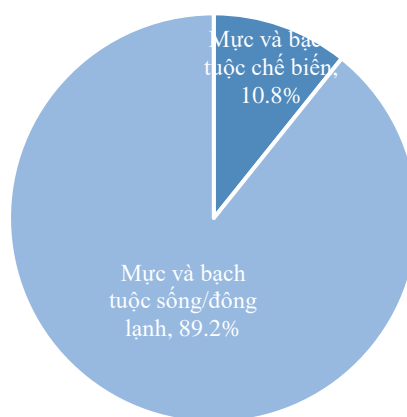


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 21,5 triệu USD tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 11,8 triệu USD, tăng 14,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1 triệu USD, tăng 224,9; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu USD, giảm 58%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 11 năm 2021 đạt 24,9 triệu USD, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng giảm 12,1% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 22,3 triệu USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,7 triệu USD, tăng 67,2%.

**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Theo số liệu của ITC, nhập khẩu mực, bạch tuộc của Hàn Quốc từ các nước trong 9 tháng đầu năm nay đạt 159,4 nghìn tấn, trị giá 700,8 triệu USD, tăng 4,8% về khối lượng nhưng giảm 2,4% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Việt Nam đứng thứ 2 về cung cấp mực, bạch tuộc cho Hàn Quốc, sau Trung Quốc. 9 tháng đầu năm nay, về khối lượng nhập khẩu, Hàn Quốc tăng nhập khẩu mực, bạch tuộc từ Việt Nam, Peru, Thái Lan trong khi giảm nhập khẩu từ Trung Quốc, Chile, Indonesia.

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 11/2021: Cá da trơn đạt 0,7 triệu USD, tăng 138,3% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, tăng 84,9%; cá ngừ đạt 0,1 triệu USD giảm 74%; cua – ghẹ đạt 0,1 triệu USD, giảm 46,5%.

Tháng 11/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,9 USD/kg, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 9 USD/kg, tăng 16,2%.

**Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**

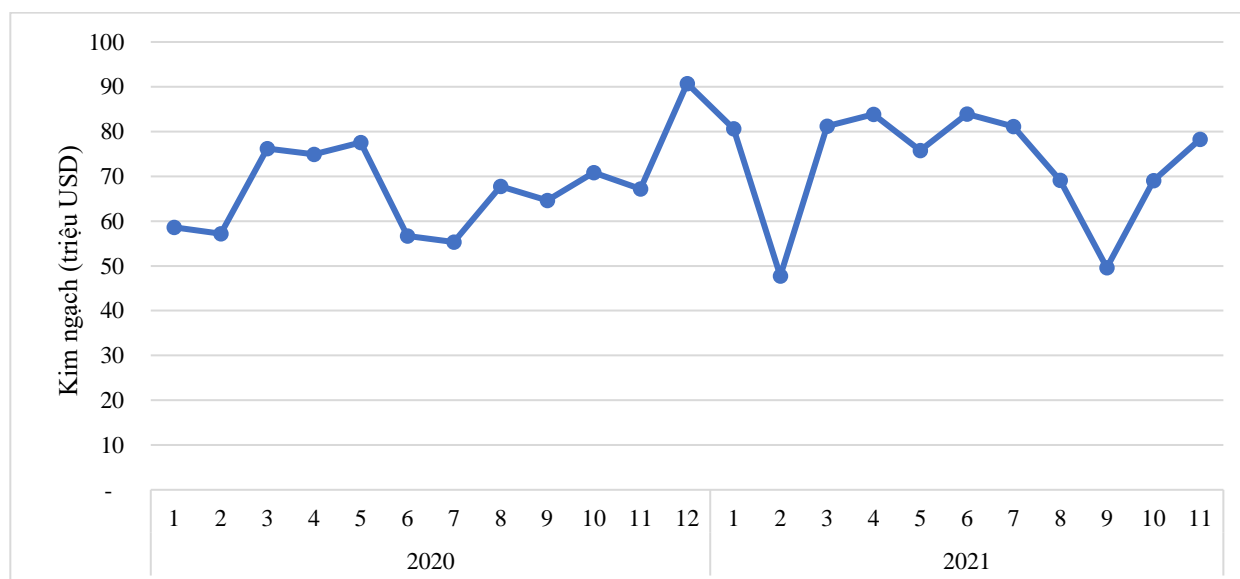
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,2	9,0%	3,2%
2	Cá ngừ	4,9	-9,9%	40,9%
3	Cá rô phi	3,2	34,0%	24,0%
4	Cua, ghẹ	5,0	25,7%	48,2%
5	Mực và bạch tuộc	9,0	16,2%	9,8%
6	Tôm	8,9	25,7%	5,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 78,2 triệu USD, tăng 13,3% so với tháng trước và 16,5% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc**

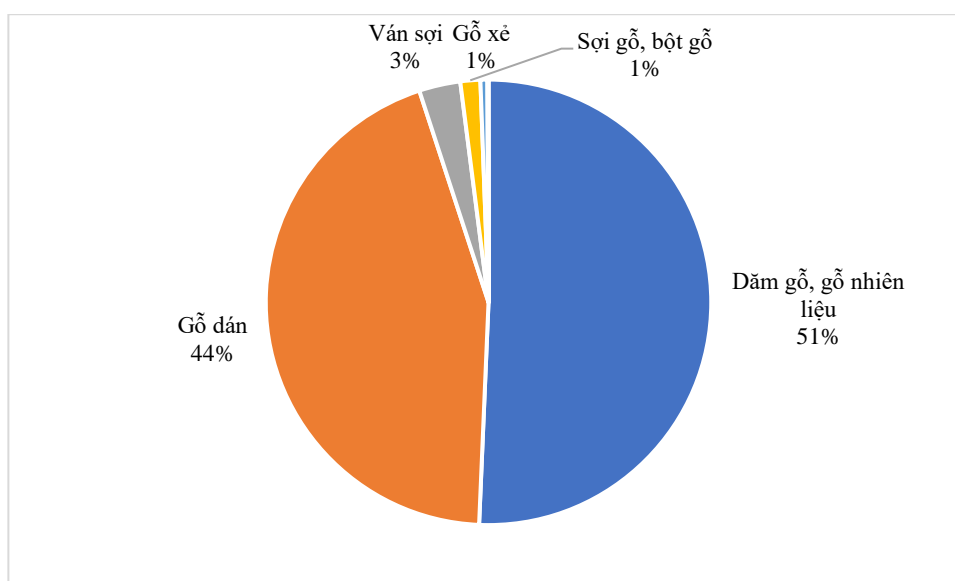


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 11/2021, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 27,3 triệu USD, chiếm 50,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 23,9 triệu USD,

chiếm 44,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,0% và 1,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 9. CAO SU

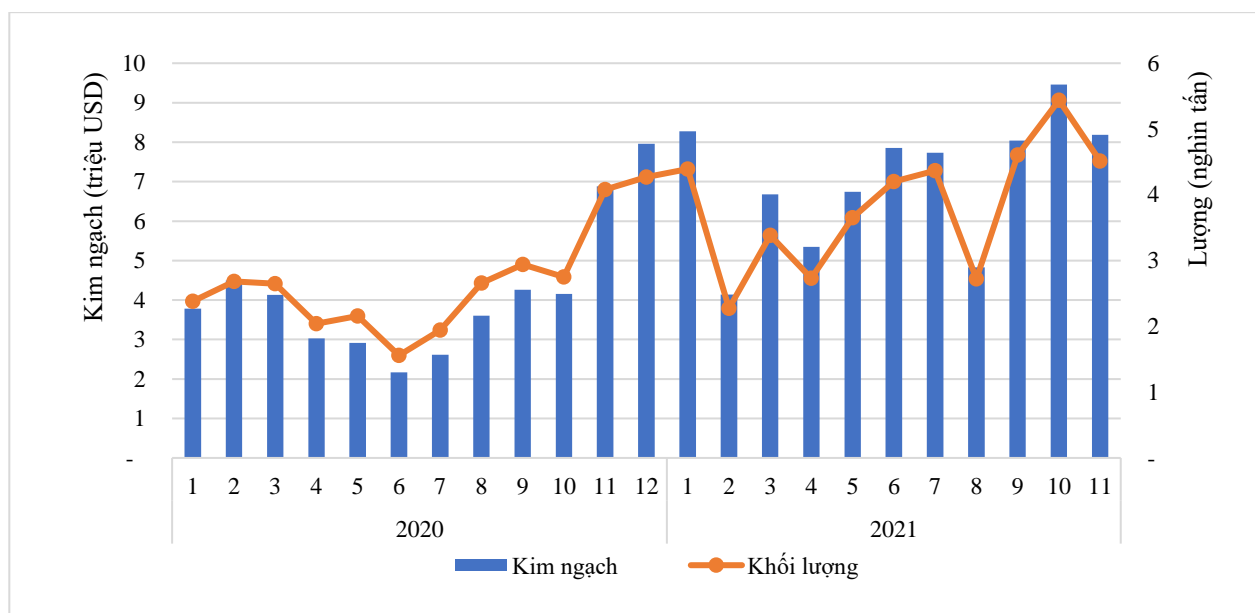
Theo Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 10 tháng năm 2021, Hàn Quốc nhập khẩu 461,29 nghìn tấn cao su, trị giá 952,9 triệu USD, tăng 16,5% về lượng và tăng 41,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Indonesia, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam và Hoa Kỳ là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hàn Quốc và nhập khẩu từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 10 tháng năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho Hàn Quốc với 35,88 nghìn tấn, trị giá 68,76 triệu USD, tăng 32,3% về lượng và tăng 68,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Cao su Việt Nam chiếm 7,8% thị phần trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hàn Quốc, tăng so với mức 6,8% của 10 tháng năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 4,5 nghìn tấn với trị giá 8,2 triệu USD, giảm 17,0% về khối lượng và 13,4% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 10,7% về khối lượng và 18,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.



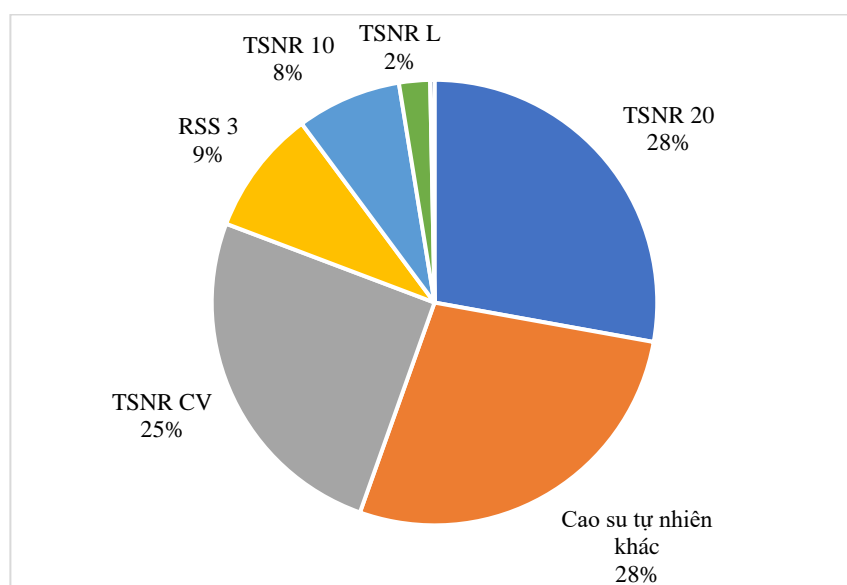
**Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 11/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,3 triệu USD, chiếm 27,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 2,1 triệu USD, chiếm 25,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR 10 chiếm lần lượt 9,1% và 7,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

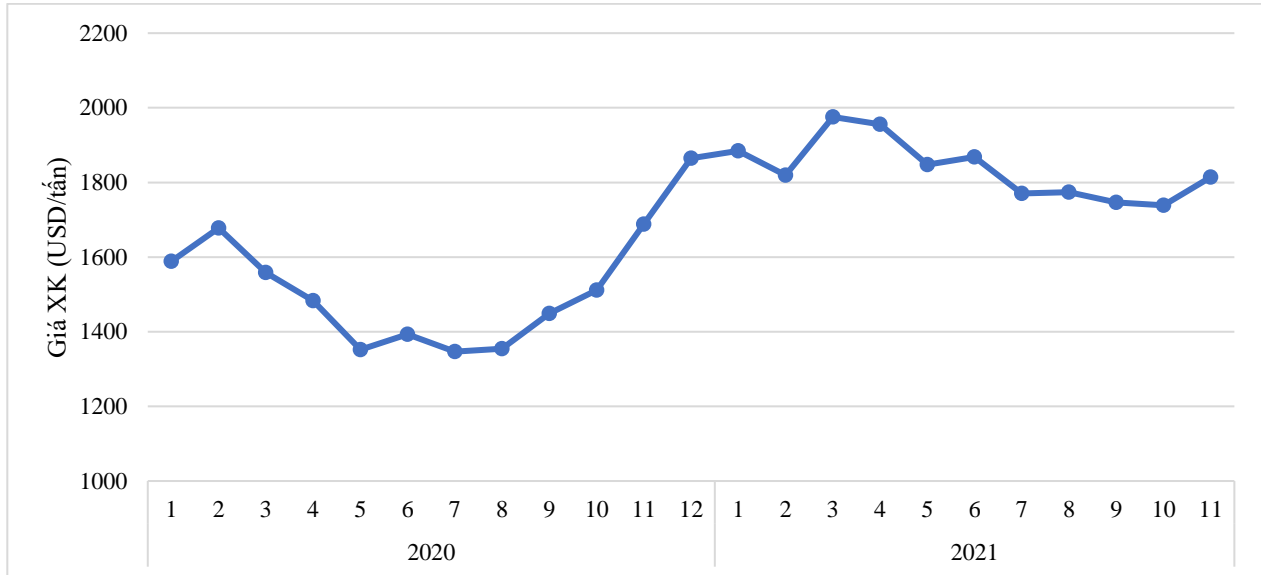
**Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.814 USD/tấn trong tháng 11/2021, tăng 4,3% so với tháng trước, và tăng 7,5% so với cùng kỳ 2020.

**Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

---

## 1. Lúa gạo

Theo ước tính sơ bộ của USDA, trong năm 2021 Hàn Quốc đã nhập khẩu khoảng 450 nghìn tấn, giảm 3,2% so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do sản lượng gạo năm nay của Hàn Quốc tăng 10,7% so với năm trước đó. USDA dự báo trong năm 2022, với xu hướng tăng sản lượng như vậy, Hàn Quốc sẽ tiếp tục giảm nhập khẩu xuống còn 410 nghìn tấn, giảm 8,9% so với mức ước tính sơ bộ trên của năm 2021.

## 2. Cà phê

Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 12/2021, tổng nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 không đổi so với niên vụ 2020/2021 ở mức 3.050 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 2.700 nghìn bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 11/2021

STT	Sản phẩm	T11/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T11/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.055.955	35,02%	3,44%
2	Cao su	8.187.008	18,94%	3,50%
3	Gỗ và SP gỗ	78.248.075	16,45%	33,40%
4	Hàng rau quả	11.538.478	12,31%	4,93%
5	Hàng thủy sản	80.558.121	16,21%	34,39%
6	Hạt tiêu	1.405.282	119,77%	0,60%
7	Phân bón các loại	32.494.645	130505,49%	13,87%
8	Mây tre đan	2.124.896	32,88%	0,91%
9	SP từ cao su	8.422.241	-2,18%	3,60%
10	Sấn và SP từ sấn	983.017	-74,48%	0,42%
11	TAGS & NL	2.223.752	58,65%	0,95%
Tổng XK NLTS		<b>234,241,470</b>		<b>100,00%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 11/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2020		Tháng 11/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	32	17.840	44	23.288	37,5%	30,5%
2.	Gạo trắng	9.167	4.721.005	0	0	-100,0%	-100,0%
3.	Các loại gạo khác	11	5.909	0	0	-100,0%	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 11/2021**

Mặt hàng	T11/2020	T11/2021	So sánh 2020/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.030	6.055	50,24%
Đã rang chưa khử cafein	425	474	11,48%
Đã rang đã khử cafein	-	4	-
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê Chưa rang đã khử cafein	242	353	45,95%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	138	146	5,67%
Khác (vỏ, chất thay thế chứa cà phê)	1.131	988	-12,66%
	-	36	-
<b>Tổng</b>	<b>5.967</b>	<b>8.056</b>	<b>35,02%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 11/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 11/2020	Tháng 11/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	2021/2020
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>10.274.089</b>	<b>11.538.478</b>	<b>12,3%</b>
1	Hạt mè	4.414.321	3.921.212	-11,2%
2	Xoài	854.832	1.635.050	91,3%
3	Ớt	483.878	689.418	42,5%
4	Chuối	513.032	662.118	29,1%
5	Thanh long	366.115	566.225	54,7%
6	Chanh	388.592	394.862	1,6%
7	Khác	3.253.319	3.669.592	12,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 11/2021**

TT	Sản phẩm	T11/2020 (USD)	T11/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	3.839.544	975.532	-74,6%
2	Tinh bột sắn	11.297	7.485	-33,7%
3	Sản phẩm sản chế biến	1.681	-	
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>3.852.522</b>	<b>983.017</b>	<b>-74,5%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 11/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 11/2021 (USD)	Tháng 11/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	672.348,6	485.992,7	38,3%
Cá ngừ	378.715,0	253.692,0	49,3%
Cá rô phi	339.979,9	183.831,2	84,9%
Cua, ghẹ	68.425,6	127.975,0	-46,5%
Mực và bạch tuộc	24.946.530,4	21.087.566,4	18,3%
Tôm	34.576.574,9	30.280.396,8	14,2%
Thủy sản khác	19.575.546,6	16.904.214,7	15,8%
<b>Tổng</b>	<b>80.558.121,0</b>	<b>69.323.669,0</b>	<b>16,2%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*